

课 文

8 zhè shì dà xiàng de bí zi

这是大象的鼻子

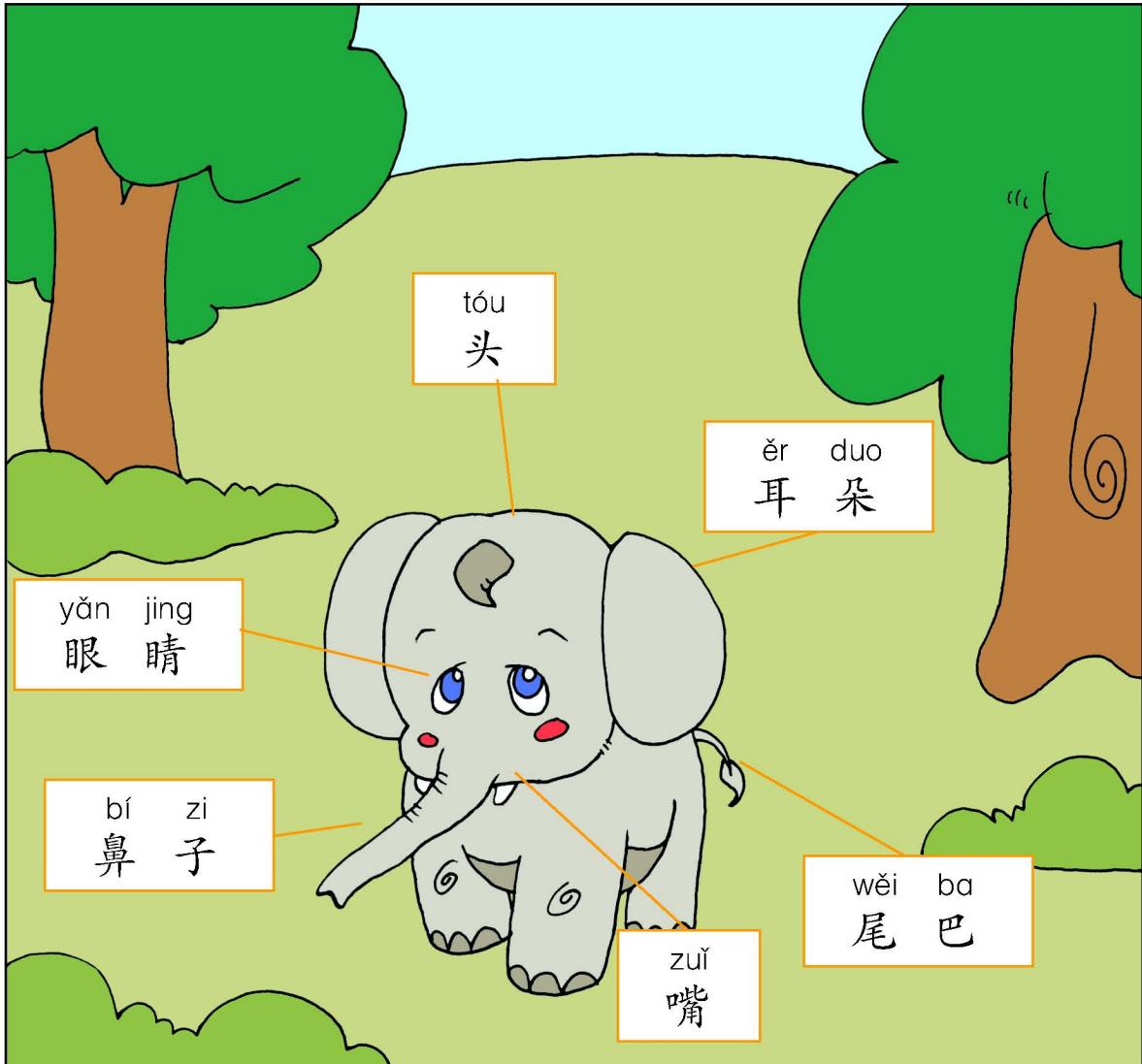


8 zhè shì dà xiàng de bí zi 这是大象的鼻子



dú yi dú
读一读

zhè shì dà xiàng de bí zi
这是大象的鼻子。

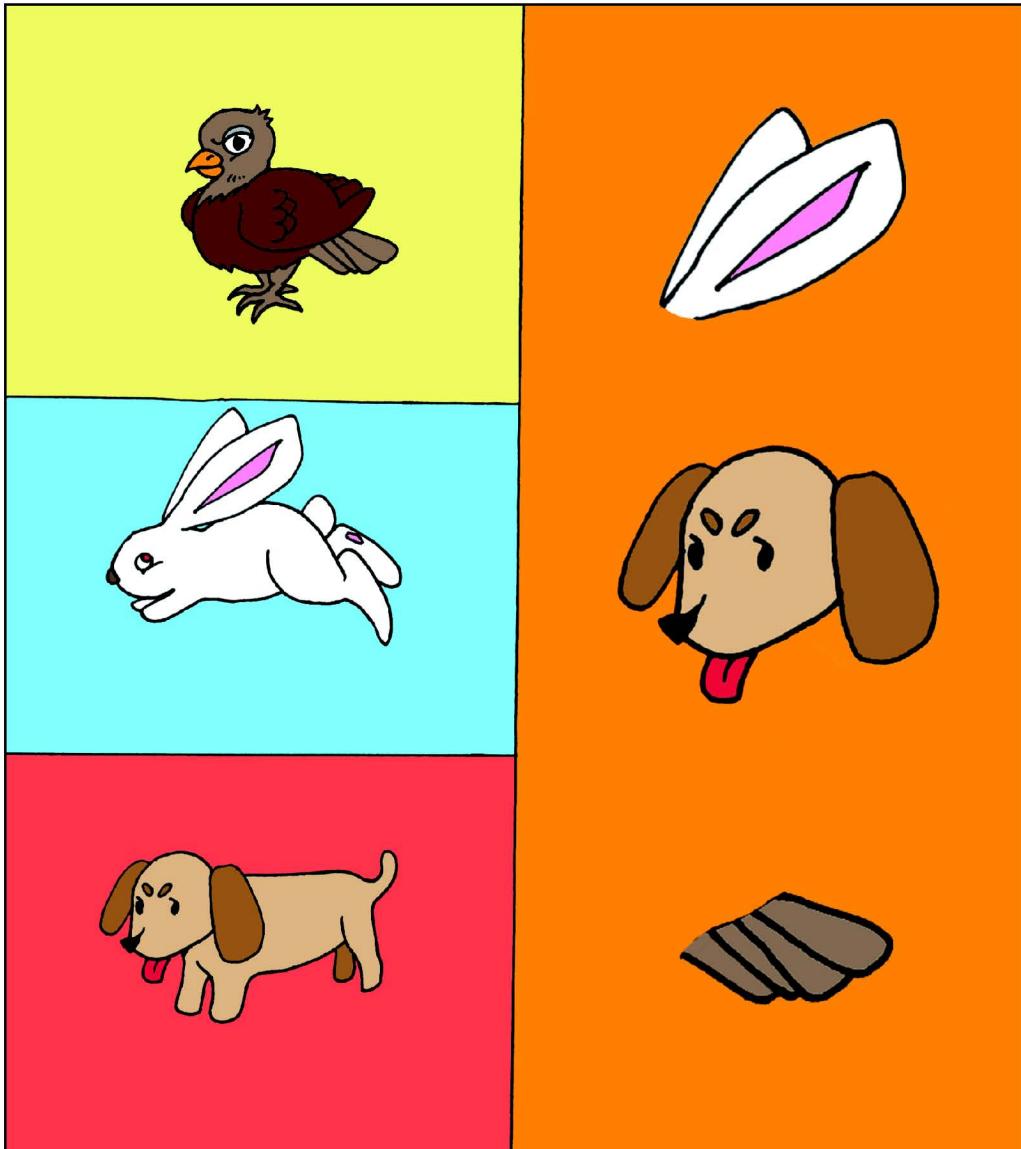


8 zhè shì dà xiàng de bí zi 这是大象的鼻子

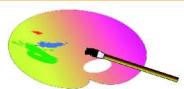
shuō yi shuō
说一说

A: zhè shì shén me
这 是 什 么 ?

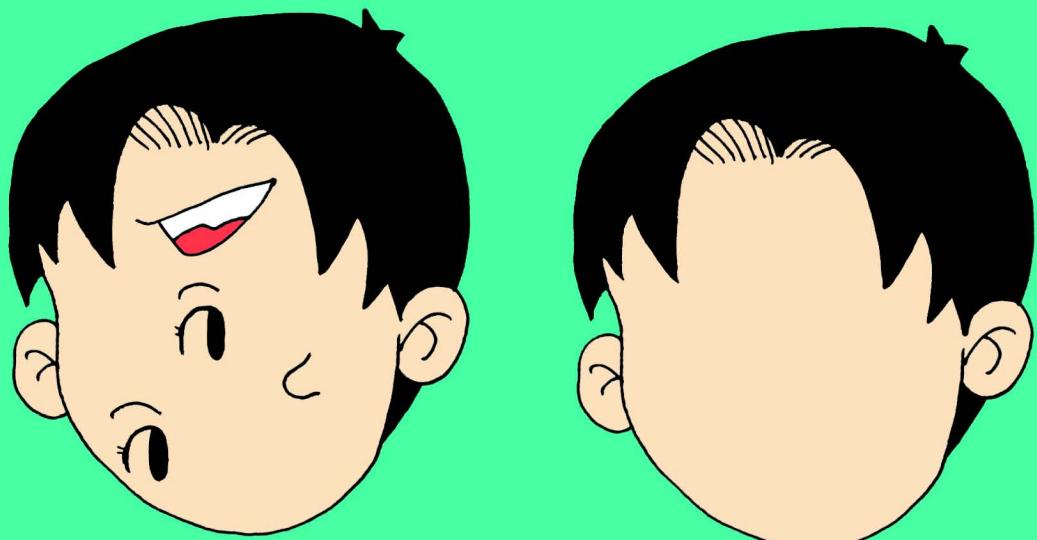
B: zhè shì dà xiàng de bí zi
这 是 大 象 的 鼻 子 。



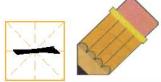
8 zhè shì dà xiàng de bí zi



huà yi huà
画一画

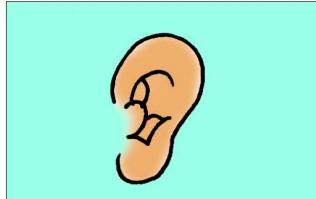


8 zhè shì dà xiàng de bí zi



xiě yi xiě
写 一 写

ěr duo
耳 朵



一	丁	乚	丂	耳	耳
耳	耳	耳	耳	耳	耳

丶	几	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇



8 zhè shì dà xiàng de bí zi



kè táng huó dòng

课 堂 活 动

huà bí zi

画 鼻 子



tiē bí zi

贴 鼻 子

pái hǎo duì zuò yóu xì ,
排 好 队 , 做 游 戏 , ,
dà jiā lái wán tiē bí zi
大 家 来 玩 贴 鼻 子 。

méng shàng yǎn bù shuō huà
蒙 上 眼 , 不 说 话 , ,
yī èr sān sì xiàng qián kuà
一 二 三 四 向 前 跨 , ,
bí zi tiē dào zuǐ ba xià
鼻 子 贴 到 嘴 巴 下 。

